

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2025/DS-PT
Ngày: 29 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi
và vay tài sản

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng
Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1295/2025/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Phan Thị L, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

Bà Lê Thu T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hứa Hoàng V, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V:

Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thu T, ông Hứa Hoàng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Từ năm 2017 đến cuối năm 2022 bà có tổ chức chơi hội, bà làm chủ hội, bà T là hội viên, sau khi chơi hội bà T hốt tất cả các phần hội đã tham gia, nhưng không thực hiện việc đóng hội chết theo như đã thỏa thuận, đến cuối năm 2022 bà T chốt nợ với bà số tiền hội 610.000.000 đồng. Đồng thời, trong tháng 10 năm 2022 bà có cho bà T vay 160.000.000 đồng, vay không lãi suất và không thời hạn thanh toán. Sau đó ngày 15/01/2023 hai bên chốt nợ, bà T làm giấy nợ bà số tiền 770.000.000 đồng. Trong đó nợ hội 610.000.000 đồng, nợ vay 160.000.000 đồng.

Sau khi chốt nợ, bà nhiều lần yêu cầu bà T trả số tiền trên nhưng bà T không thực hiện, sau đó ông Hứa Hoàng V chồng bà T có hẹn bà đến nhà trả cho bà 500.000.000 đồng, nhưng khi đến nhà thì ông V yêu cầu bà đưa giấy nợ mà bà T ký nợ thì bị gia đình bà T, ông V giật lấy, sự việc này bà có báo công an xã Đ và được Công an lập biên bản ngày 14/02/2023.

Nay bà yêu cầu bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) và khoản tiền chi phí tố tụng đã bỏ ra, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh T1 trình bày:

Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà T và ông Hứa Hoàng V cùng liên đới trả số tiền 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) phía bà T, ông V không chấp nhận vì bà T và ông V không còn nợ bà L.

Việc chơi hội giữa bà L và bà T hai bên đã thanh toán đầy đủ theo từng thời điểm chơi hội nên số tiền hội bà L cho rằng bà T còn nợ 610.000.000 đồng bà T không thừa nhận.

Riêng số tiền bà L cho bà T vay 160.000.000 đồng, bà T cũng không thừa nhận.

Đối với giấy mượn tiền đề ngày 15/01/2023 bà T không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền này là của bà T, sự việc Công an xã Đ biên bản ngày 14/02/2023 bà T, ông V không thông tin cho ông biết.

Ông Hứa Hoàng V không liên quan gì trong vụ án này nên ông V không đồng ý có trách nhiệm liên đới với bà T trả nợ theo yêu cầu của bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L đối với bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V. Buộc bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị L số tiền 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/02/2025, bà Lê Thu T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Hứa Hoàng V kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phần buộc ông V chịu nhiệm liên đới trả nợ với bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà T và ông V và trình bày: Trường hợp không chấp nhận kháng cáo của bà T thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của ông V với bà T, lý do ông V không biết bà T và bà L có giao dịch hui và mượn tiền, giấy mượn tiền ngày 15/01/2023 ông V không có ký tên, ông V không sử dụng khoản tiền bà T mượn và không phục vụ kinh tế gia đình nên không đồng ý nghĩa vụ liên đới của vợ chồng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà Phan Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Thu T2 và ông Hứa Hoàng V có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hui và vay tổng cộng là 770.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy mượn tiền ngày 15/01/2023 có nội dung: “Vợ chồng tôi có thiếu Út Lành (770.000.000) bảy trăm bảy mươi triệu) người mượn “Lê Thu T”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bà T không thừa nhận chữ ký, chữ viết là của bà trong Giấy mượn tiền ngày 15/01/2023 mà nguyên đơn cung cấp, đồng thời các khoản tiền hui bà T đã thanh toán hết cho bà L theo từng thời điểm, do đó không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Xét thấy, tại Kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh B ngày 13/8/2024 đối với chữ ký và chữ viết của bà Lê Thu T tại “Giấy mượn tiền ngày 15/01/2023” kết luận như sau: *“Chữ ký, chữ viết mang tên “Lê Thu T” dưới mục “Người mượn” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thu T trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M7, M5, M10, M11) do cùng một người ký, viết ra”*.

Bà T không đồng ý với kết quả giám định và có yêu cầu giám định lại nhưng không thực hiện việc nộp chi phí cho việc giám định lại, do đó Tòa sơ thẩm sử dụng kết quả giám định ngày 13/8/2024 để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T và ông V khẳng định, bà T không đồng ý kết quả giám định nhưng không có khiếu nại kết quả giám định này.

Mặt khác, tại đơn tố giác tội phạm ngày 18/02/2023 bà T thừa nhận có ký giấy nợ bà L số tiền 770.000.000 đồng, nhưng bà cho rằng mình bị ép buộc, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có bị ép buộc.

Bà T cho rằng, các khoản tiền hui bà T đã thanh toán hết cho bà L theo từng thời điểm nên không còn nợ bà L, tuy nhiên bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ nên không có cơ sở xem xét.

[2.2] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở xác định bà T còn nợ bà L số tiền 770.000.000 đồng, nên bà L yêu cầu buộc bà T trả số tiền 770.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 471 Bộ Luật dân sự nên được chấp nhận. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi của số tiền trên.

[2.3] Về nghĩa vụ liên đới:

Tòa sơ thẩm buộc ông Hứa Hoàng V có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T trả số tiền 770.000.000 đồng cho bà L. Bà T, ông V đều kháng cáo không đồng ý. Ông V cho rằng, việc bà T mượn tiền ông không biết, không sử dụng tiền liên quan giao dịch giữa bà L và bà T và Giấy mượn tiền ngày 15/01/2023 ông cũng không có ký tên.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập,...

Nhận thấy, bà T ký Giấy mượn tiền ngày 15/01/2023 trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông V, bà T và ông V có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B ngày 22/12/2014 nên là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn còn chung sống với nhau, có con chung và tài sản chung. Việc bà T chơi hụi, vay tiền bà T xác định ông V chồng bà biết và số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, giấy mượn tiền bà T xác định “Vợ chồng tôi có thiếu Út Lành”.

Do đó, mặc dù ông V không có ký tên Giấy mượn tiền ngày 15/01/2023 nhưng ông biết và không có ý kiến phản đối, do đó Tòa sơ thẩm buộc ông V có nghĩa vụ liên đới với bà T trả số tiền 770.000.000 đồng cho bà L là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[2.4] Về chi phí giám định: Tổng chi phí cho việc giám định là 9.242.000 đồng, bà T đã nộp 8.000.000 đồng, bà L đã nộp 1.242.000 đồng. Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà T, ông V phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ. Do đó, bà T và ông V phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà L số tiền là 1.242.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà T và ông V chịu án phí với số tiền 770.000.000 đồng là 34.800.000 đồng (20.000.000 đồng + 4% của phần vượt 370.000.000 đồng).

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T và ông V kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của ông, bà là có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T, ông V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 35, 39, 146, 160, 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469, 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L đối với bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V.

2. Buộc bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị L số tiền 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu số tiền nêu trên chưa được bà T, ông V thi hành thì hàng tháng bà T, ông V còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lê Thị T3 và ông Hứa Hoàng V phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Phan Thị L số tiền là 1.242.000 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lê Thu T và ông Hứa Hoàng V phải chịu án phí là 34.800.000 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Phan Thị L số tiền: 17.400.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007416 ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thu T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008198 ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Ông Hứa Hoàng V phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008197 ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Phòng TT, KT & THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Đức